

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số: 457/KQXNN.

(Không được trích sao một phần của kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của giám đốc trung tâm)

Tên khách hàng: Công ty cổ phần cấp nước Quảng Bình.

Địa chỉ: 81 Lý Thường Kiệt – Đồng Hới – Quảng Bình.

Địa điểm lấy mẫu: Nhà máy nước Hải Thành – Đồng Hới – Quảng Bình.

Tên mẫu: Nước máy Mã số: 457/XNN/2019 Lượng mẫu: 1,5 lít

Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong chai nhựa, đầy kín miệng. Mẫu do khách hàng mang tới

Ngày lấy mẫu/nhận mẫu: 27/9/2019 Ngày hẹn trả kết quả: 10/10/2019

Thời gian lưu mẫu: 10 ngày kể từ ngày ban hành kết quả, hết thời gian lưu mẫu trung tâm sẽ không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại của khách hàng

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

TT	Chỉ tiêu/đơn vị	Kết quả	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép ⁽¹⁾
1	Mùi, vị	Không	Cảm quan	Không mùi vị lạ
2	pH	6,85	SOP.HL 13/12	6,5 – 8,5
3	Độ đục, NTU	0,58	SOP.HL 02/12 ^(*)	≤ 2
4	Hàm lượng Nitrit, mg/l	KPH (LOD 0,03 mg/l)	SMEWW 4500-NO ₂ 2017 ^(*)	3
5	Hàm lượng Nitrat, mg/l	KPH (LOD 0,5 mg/l)	TCVN 6180:1996 ^(*)	50
6	Chỉ số Pecmanganat, mgO ₂ /l	1,12	TCVN 6186:1996	≤ 2,0
7	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ /l	34	TCVN 6224:1996 ^(*)	300
8	Hàm lượng Clorua, mg/l	17,75	TCVN 6194:1996 ^(*)	250
9	Hàm lượng Sunfat, mg/l	13,02	SMEWW 4500-SO ₄ 2017 ^(*)	250
10	Hàm lượng Fe, mg/l	KPH (LOD 0,03 mg/l)	SMEWW 3500-Fe 2017 ^(*)	0,3
11	Hàm lượng Mn, mg/l	0,037	SMEWW 3111-B	0,3
12	Tổng chất rắn hòa tan, mg/l	55	Máy đo TDS	1000
13	Hàm lượng Amoni, mg/l	KPH	SMEWW 4500-NH ₃ (2017)	3
14	Hàm lượng Chì, mg/l	KPH (LOD 0,25 µg/l)	TCVN 6193:1996	0,01
15	Hàm lượng Asen, mg/l	KPH (LOD 1,5 µg/l)	TCVN 6626:200	0,01
16	Coliforms, MPN/100ml	<3	TCVN 6187-2:1996 ^(*)	0
17	E.coli, MPN/100ml	<3	TCVN 6187-2:1996 ^(*)	0

KẾT LUẬN: Các chỉ tiêu đã kiểm nghiệm của mẫu nước trên đạt tiêu chuẩn vệ sinh về chất lượng nước ăn uống theo QCVN 01:2009/BYT

Ghi chú:

- ⁽¹⁾ Giới hạn cho phép theo QCVN 01:2009/BYT
- ⁽²⁾ Các chỉ tiêu được Vilas công nhận
- KPH: Không phát hiện
- LOD: Giới hạn phát hiện

Đồng Hới, ngày 10 tháng 10 năm 2019

P.TRƯỞNG KHOA

KT.GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Dương Viết Quảng

Lê Minh Tiên

Chỉ tiêu	Đơn vị	Giá trị	Giới hạn cho phép
1	1	1	1
2	2	2	2
3	3	3	3
4	4	4	4
5	5	5	5
6	6	6	6
7	7	7	7
8	8	8	8
9	9	9	9
10	10	10	10
11	11	11	11
12	12	12	12
13	13	13	13
14	14	14	14
15	15	15	15
16	16	16	16
17	17	17	17
18	18	18	18
19	19	19	19
20	20	20	20
21	21	21	21
22	22	22	22
23	23	23	23
24	24	24	24
25	25	25	25
26	26	26	26
27	27	27	27
28	28	28	28
29	29	29	29
30	30	30	30
31	31	31	31
32	32	32	32
33	33	33	33
34	34	34	34
35	35	35	35
36	36	36	36
37	37	37	37
38	38	38	38
39	39	39	39
40	40	40	40
41	41	41	41
42	42	42	42
43	43	43	43
44	44	44	44
45	45	45	45
46	46	46	46
47	47	47	47
48	48	48	48
49	49	49	49
50	50	50	50
51	51	51	51
52	52	52	52
53	53	53	53
54	54	54	54
55	55	55	55
56	56	56	56
57	57	57	57
58	58	58	58
59	59	59	59
60	60	60	60
61	61	61	61
62	62	62	62
63	63	63	63
64	64	64	64
65	65	65	65
66	66	66	66
67	67	67	67
68	68	68	68
69	69	69	69
70	70	70	70
71	71	71	71
72	72	72	72
73	73	73	73
74	74	74	74
75	75	75	75
76	76	76	76
77	77	77	77
78	78	78	78
79	79	79	79
80	80	80	80
81	81	81	81
82	82	82	82
83	83	83	83
84	84	84	84
85	85	85	85
86	86	86	86
87	87	87	87
88	88	88	88
89	89	89	89
90	90	90	90
91	91	91	91
92	92	92	92
93	93	93	93
94	94	94	94
95	95	95	95
96	96	96	96
97	97	97	97
98	98	98	98
99	99	99	99
100	100	100	100

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số: 440/KQXNN.

(Không được trích sao một phần của kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của giám đốc trung tâm)

Tên khách hàng: Công ty cổ phần cấp nước Quảng Bình.

Địa chỉ: 81 Lý Thường Kiệt – Đồng Hới – Quảng Bình.

Địa điểm lấy mẫu: Nhà máy nước Hải Thành – Đồng Hới – Quảng Bình.

Tên mẫu: Nước máy Mã số: 440/XNN/2019 Lượng mẫu: 1,5 lít

Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong chai nhựa, đầy kín miệng. Mẫu do khách hàng mang tới

Ngày lấy mẫu/nhận mẫu: 20/9/2019 Ngày hẹn trả kết quả: 02/10/2019

Thời gian lưu mẫu: 10 ngày kể từ ngày ban hành kết quả, hết thời gian lưu mẫu trung tâm sẽ không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại của khách hàng

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

TT	Chỉ tiêu/đơn vị	Kết quả	Phương pháp	Giới hạn cho phép ⁽¹⁾
1	Mùi, vị	Không	Cảm quan	Không mùi vị lạ
2	pH	7,04	SOP.HL 13/12	6,5 – 8,5
3	Độ đục, NTU	0,44	SOP.HL 02/12 ^(*)	2
4	Hàm lượng Nitrit, mg/l	KPH (LOD 0,03 mg/l)	SMEWW 4500-NO ₂ ^(*)	3
5	Hàm lượng Nitrat, mg/l	1,66	TCVN 6180:1996 ^(*)	50
6	Chỉ số Pecmanganat, mgO ₂ /l	1,28	TCVN 6186:1996	2,0
7	Coliforms, MPN/100ml	<3	TCVN 6187-2:1996 ^(*)	0
8	E.coli, MPN/100ml	<3	TCVN 6187-2:1996 ^(*)	0

KẾT LUẬN: Các chỉ tiêu đã kiểm nghiệm của mẫu nước trên đạt tiêu chuẩn vệ sinh về chất lượng nước ăn uống theo QCVN 01:2009/BYT

Ghi chú:

- ⁽¹⁾ Giới hạn cho phép theo QCVN 01:2009/BYT.
- ^(*) Các chỉ tiêu được Vilas công nhận
- KPH: Không phát hiện
- LOD: Giới hạn phát hiện

P.TRƯỞNG KHOA

Dương Viết Quảng

Đồng Hới, ngày 02 tháng 10 năm 2019



Đỗ Quốc Tiệp

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số: 424/KQXNN

(Không được trích sao một phần của kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của giám đốc trung tâm)



Tên khách hàng: Công ty cổ phần cấp nước Quảng Bình
Địa chỉ: 81 Lý Thường Kiệt – Đồng Hới – Quảng Bình
Địa điểm lấy mẫu: Nhà máy nước Hải Thành – Đồng Hới – Quảng Bình.
Tên mẫu: Nước máy Mã số: 424/XNN/2019 Lượng mẫu: 1,5 lít
Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong chai nhựa, đậy kín miệng. Mẫu do khách hàng mang tới.
Ngày nhận mẫu: 12/9/2019 Ngày hẹn trả kết quả: 26/9/2019
Thời gian lưu mẫu: 10 ngày kể từ ngày ban hành kết quả, hết thời gian lưu mẫu trung tâm sẽ không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại của khách hàng

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

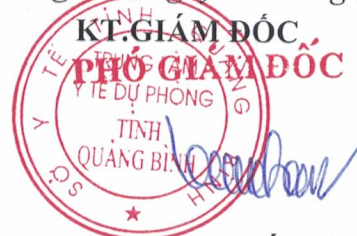
TT	Chỉ tiêu/đơn vị	Kết quả	Phương pháp	Giới hạn cho phép ⁽¹⁾
1	Mùi, vị	Không	Cảm quan	Không mùi vị lạ
2	pH	6,95	SOP.HL 13/12	6,5 – 8,5
3	Độ đục, NTU	0,66	SOP.HL 02/12 ^(*)	2
4	Hàm lượng Nitrit, mg/l	KPH (LOD 0,03 mg/l)	SMEWW 4500- NO ₂ 2017 ^(*)	3
5	Hàm lượng Nitrat, mg/l	KPH (LOD 0,5 mg/l)	TCVN 6180:1996 ^(*)	50
6	Chỉ số Pecmanganat, mgO ₂ /l	0,8	TCVN 6186:1996	2,0
7	Coliforms, MPN/100ml	<3	TCVN 6187-2:1996 ^(*)	0
8	E.coli, MPN/100ml	<3	TCVN 6187-2:1996 ^(*)	0

KẾT LUẬN: Các chỉ tiêu đã kiểm nghiệm của mẫu nước trên đạt tiêu chuẩn vệ sinh về chất lượng nước ăn uống theo QCVN 01:2009/BYT

P.TRƯỞNG KHOA

Dương Viết Quảng

Đồng Hới, ngày 26 tháng 9 năm 2019



Lê Minh Tiến

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số: 410/KQXNN

(Không được trích sao một phần của kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của giám đốc trung tâm)



Tên khách hàng: Công ty cổ phần cấp nước Quảng Bình
Địa chỉ: 81 Lý Thường Kiệt – Đồng Hới – Quảng Bình
Địa điểm lấy mẫu: Nhà máy nước Hải Thành – Đồng Hới – Quảng Bình.
Tên mẫu: Nước máy Mã số: 410/XNN/2019 Lượng mẫu: 1,5 lít
Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong chai nhựa, đậy kín miệng. Mẫu do khách hàng mang tới.
Ngày nhận mẫu: 06/9/2019 Ngày hẹn trả kết quả: 23/9/2019
Thời gian lưu mẫu: 10 ngày kể từ ngày ban hành kết quả, hết thời gian lưu mẫu trung tâm sẽ không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại của khách hàng

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

TT	Chỉ tiêu/đơn vị	Kết quả	Phương pháp	Giới hạn cho phép (¹)
1	Mùi, vị	Không	Cảm quan	Không mùi vị lạ
2	pH	6,56	SOP.HL 13/12	6,5 – 8,5
3	Độ đục, NTU	0,57	SOP.HL 02/12 ^(*)	2
4	Hàm lượng Nitrit, mg/l	KPH (LOD 0,03 mg/l)	SMEWW 4500- NO ₂ 2017 ^(*)	3
5	Hàm lượng Nitrat, mg/l	KPH (LOD 0,5 mg/l)	TCVN 6180:1996 ^(*)	50
6	Chỉ số Pecmanganat, mgO ₂ /l	1,28	TCVN 6186:1996	2,0
7	Coliforms, MPN/100ml	<3	TCVN 6187-2:1996 ^(*)	0
8	E.coli, MPN/100ml	<3	TCVN 6187-2:1996 ^(*)	0

KẾT LUẬN: Các chỉ tiêu đã kiểm nghiệm của mẫu nước trên đạt tiêu chuẩn vệ sinh về chất lượng nước ăn uống theo QCVN 01:2009/BYT

P.TRƯỞNG KHOA

Dương Viết Quảng

Đồng Hới, ngày 23 tháng 9 năm 2019

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM Y TẾ DỰ PHÒNG
TỈNH QUẢNG BÌNH
HỘI SỞ Y TẾ

Lê Minh Tiến

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số: 404/KQXNN

(Không được trích sao một phần của kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của giám đốc trung tâm)

Tên khách hàng: Công ty cổ phần cấp nước Quảng Bình
Địa chỉ: 81 Lý Thường Kiệt – Đồng Hới – Quảng Bình
Địa điểm lấy mẫu: Nhà máy nước Hải Thành – Đồng Hới – Quảng Bình.
Tên mẫu: Nước máy Mã số: 404/XNN/2019 Lượng mẫu: 1,5 lít
Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong chai nhựa, đậy kín miệng. Mẫu do khách hàng mang tới.
Ngày nhận mẫu: 30/8/2019 Ngày hẹn trả kết quả: 19/9/2019
Thời gian lưu mẫu: 10 ngày kể từ ngày ban hành kết quả, hết thời gian lưu mẫu trung tâm sẽ không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại của khách hàng

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

TT	Chỉ tiêu/đơn vị	Kết quả	Phương pháp	Giới hạn cho phép (¹)
1	Mùi, vị	Không	Cảm quan	Không mùi vị lạ
2	pH	7,02	SOP.HL 13/12 ^(*)	6,5 – 8,5
3	Độ đục, NTU	1,77	SOP.HL 02/12 ^(*)	2
4	Hàm lượng Nitrit, mg/l	KPH (LOD 0,03 mg/l)	SMEWW 4500-NO ₂ 2017 ^(*)	3
5	Hàm lượng Nitrat, mg/l	KPH (LOD 0,5 mg/l)	TCVN 6180:1996 ^(*)	50
6	Chỉ số Pecmanganat, mgO ₂ /l	0,48	TCVN 6186:1996	≤ 2,0
7	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ /l	40	TCVN 6224:1996 ^(*)	300
8	Hàm lượng Clorua, mg/l	20,21	TCVN 6194:1996 ^(*)	250
9	Hàm lượng Sunfat, mg/l	14,98	SMEWW 4500-SO ₄ 2017 ^(*)	250
10	Coliforms, MPN/100ml	<3	TCVN 6187-2:1996 ^(*)	0
11	E.coli, MPN/100ml	<3	TCVN 6187-2:1996 ^(*)	0

KẾT LUẬN: Các chỉ tiêu đã kiểm nghiệm của mẫu nước trên đạt tiêu chuẩn vệ sinh về chất lượng nước ăn uống theo QCVN 01:2009/BYT

P.TRƯỞNG KHOA

Quang

Dương Viết Quảng

Đồng Hới, ngày 19 tháng 9 năm 2019



Lê Minh Tiến

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số: 389/KQXNN



(Không được trích sao một phần của kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của giám đốc Trung tâm)

Tên khách hàng: Công ty cổ phần cấp nước Quảng Bình
Địa chỉ: 81 Lý Thường Kiệt – Đồng Hới – Quảng Bình
Địa điểm lấy mẫu: Nhà máy nước Hải Thành – Đồng Hới – Quảng Bình.
Tên mẫu: Nước máy Mã số: 389/XNN/2019 Lượng mẫu: 1,5 lít
Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong chai nhựa, đậy kín miệng. Mẫu do khách hàng mang tới.
Ngày nhận mẫu: 23/8/2019 Ngày hẹn trả kết quả: 06/9/2019
Thời gian lưu mẫu: 10 ngày kể từ ngày ban hành kết quả, hết thời gian lưu mẫu trung tâm sẽ không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại của khách hàng

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

TT	Chỉ tiêu/đơn vị	Kết quả	Phương pháp	Giới hạn cho phép (¹)
1	Mùi, vị	Không	Cảm quan	Không mùi vị lạ
2	pH	7,5	SOP.HL 13/12	6,5 – 8,5
3	Độ đục, NTU	0,89	SOP.HL 02/12 ^(*)	2
4	Hàm lượng Nitrit, mg/l	KPH (LOD 0,03 mg/l)	SMEWW 4500- NO ₂ 2017 ^(*)	3
5	Hàm lượng Nitrat, mg/l	KPH (LOD 0,5 mg/l)	TCVN 6180:1996 ^(*)	50
6	Chỉ số Pecmanganat, mgO ₂ /l	0,8	TCVN 6186:1996	2,0
7	Coliforms, MPN/100ml	<3	TCVN 6187-2:1996 ^(*)	0
8	E.coli, MPN/100ml	<3	TCVN 6187-2:1996 ^(*)	0

KẾT LUẬN: Các chỉ tiêu đã kiểm nghiệm của mẫu nước trên đạt tiêu chuẩn vệ sinh về chất lượng nước ăn uống theo QCVN 01:2009/BYT

P.TRƯỞNG KHOA

Dương Viết Quảng

Đồng Hới, ngày 6 tháng 9 năm 2019



Lê Minh Tiến

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số: 379/KQXNN

(Không được trích sao một phần của kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của giám đốc trung tâm)

Tên khách hàng: Công ty cổ phần cấp nước Quảng Bình

Địa chỉ: 81 Lý Thường Kiệt – Đồng Hới – Quảng Bình

Địa điểm lấy mẫu: Nhà máy nước Hải Thành – Đồng Hới – Quảng Bình.

Tên mẫu: Nước máy Mã số: 379/XNN/2019

Lượng mẫu: 1,5 lít

Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong chai nhựa, đậy kín miệng. Mẫu do khách hàng mang tới.

Ngày nhận mẫu: 16/8/2019 Ngày hẹn trả kết quả: 30/8/2019

Thời gian lưu mẫu: 10 ngày kể từ ngày ban hành kết quả, hết thời gian lưu mẫu trung tâm sẽ không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại của khách hàng

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

TT	Chỉ tiêu/đơn vị	Kết quả	Phương pháp	Giới hạn cho phép (¹)
1	Mùi, vị	Không	Cảm quan	Không mùi vị lạ
2	pH	7,53	SOP.HL 13/12	6,5 – 8,5
3	Độ đục, NTU	0,78	SOP.HL 02/12 ^(*)	2
4	Hàm lượng Nitrit, mg/l	KPH (LOD 0,03 mg/l)	SMEWW 4500- NO ₂ 2017 ^(*)	3
5	Hàm lượng Nitrat, mg/l	KPH (LOD 0,5 mg/l)	TCVN 6180:1996 ^(*)	50
6	Chỉ số Pecmanganat, mgO ₂ /l	1,12	TCVN 6186:1996	2,0
7	Coliforms, MPN/100ml	<3	TCVN 6187-2:1996 ^(*)	0
8	E.coli, MPN/100ml	<3	TCVN 6187-2:1996 ^(*)	0

KẾT LUẬN: Các chỉ tiêu đã kiểm nghiệm của mẫu nước trên đạt tiêu chuẩn vệ sinh về chất lượng nước ăn uống theo QCVN 01:2009/BYT

P.TRƯỞNG KHOA

Dương Viết Quảng

Đồng Hới, ngày 30 tháng 8 năm 2019

KIỂM GIAM ĐỌC
PHÓ GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM
Y TẾ DỰ PHÒNG
TỈNH
QUẢNG BÌNH
HỒN

Lê Minh Tiến



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số: 364/KQXNN

(Không được trích sao một phần của kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của giám đốc trung tâm)

Tên khách hàng: Công ty cổ phần cấp nước Quảng Bình
Địa chỉ: 81 Lý Thường Kiệt – Đồng Hới – Quảng Bình
Địa điểm lấy mẫu: Nhà máy nước Hải Thành – Đồng Hới – Quảng Bình.
Tên mẫu: Nước máy Mã số: 364/XNN/2019 Lượng mẫu: 1,5 lít
Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong chai nhựa, đậy kín miệng. Mẫu do khách hàng mang tới.
Ngày nhận mẫu: 9/8/2019 Ngày hẹn trả kết quả: 21/8/2019
Thời gian lưu mẫu: 10 ngày kể từ ngày ban hành kết quả, hết thời gian lưu mẫu trung tâm sẽ không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại của khách hàng

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

TT	Chỉ tiêu/đơn vị	Kết quả	Phương pháp	Giới hạn cho phép ⁽¹⁾
1	Mùi, vị	Không	Cảm quan	Không mùi vị lạ
2	pH	7,2	SOP.HL 13/12	6,5 – 8,5
3	Độ đục, NTU	0,55	SOP.HL 02/12 ^(*)	2
4	Hàm lượng Nitrit, mg/l	KPH (LOD 0,03 mg/l)	SMEWW 4500- NO ₂ 2017 ^(*)	3
5	Hàm lượng Nitrat, mg/l	KPH (LOD 0,5 mg/l)	TCVN 6180:1996 ^(*)	50
6	Chỉ số Pecmanganat, mgO ₂ /l	0,96	TCVN 6186:1996	2,0
7	Coliforms, MPN/100ml	<3	TCVN 6187-2:1996 ^(*)	0
8	E.coli, MPN/100ml	<3	TCVN 6187-2:1996 ^(*)	0

KẾT LUẬN: Các chỉ tiêu đã kiểm nghiệm của mẫu nước trên đạt tiêu chuẩn vệ sinh về chất lượng nước ăn uống theo QCVN 01:2009/BYT

P.TRƯỞNG KHOA

Dương Viết Quảng

Đồng Hới, ngày 21 tháng 8 năm 2019

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
TỈNH
QUẢNG BÌNH
Lê Minh Tiến

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số: 346/KQXNN

(Không được trích sao một phần của kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc trung tâm)



Tên khách hàng: Công ty cổ phần cấp nước Quảng Bình
Địa chỉ: 81 Lý Thường Kiệt – Đồng Hới – Quảng Bình
Địa điểm lấy mẫu: Nhà máy nước Hải Thành – Đồng Hới – Quảng Bình.
Tên mẫu: **Nước máy** Mã số: **346/XNN/2019** Lượng mẫu: 1,5 lít
Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong chai nhựa, đậy kín miệng. Mẫu do khách hàng mang tới.
Ngày nhận mẫu: 30/7/2019 Ngày hẹn trả kết quả: 14/8/2019
Thời gian lưu mẫu: 10 ngày kể từ ngày ban hành kết quả, hết thời gian lưu mẫu trung tâm sẽ không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại của khách hàng

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

TT	Chỉ tiêu/đơn vị	Kết quả	Phương pháp	Giới hạn cho phép (¹)
1	Mùi, vị	Không	Cảm quan	Không mùi vị lạ
2	pH	7,11	SOP.HL 13/12 ^(*)	6,5 – 8,5
3	Độ đục, NTU	0,88	SOP.HL 02/12 ^(*)	2
4	Hàm lượng Nitrit, mg/l	KPH (LOD 0,03 mg/l)	SMEWW 4500-NO ₂ 2017 ^(*)	3
5	Hàm lượng Nitrat, mg/l	KPH (LOD 0,5 mg/l)	TCVN 6180:1996 ^(*)	50
6	Chỉ số Pecmanganat, mgO ₂ /l	1,12	TCVN 6186:1996	≤ 2,0
7	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ /l	37	TCVN 6224:1996 ^(*)	300
8	Hàm lượng Clorua, mg/l	33,01	TCVN 6194:1996 ^(*)	250
9	Hàm lượng Sunfat, mg/l	15,24	SMEWW 4500-SO ₄ 2017 ^(*)	250
10	Coliforms, MPN/100ml	<3	TCVN 6187-2:1996 ^(*)	0
11	E.coli, MPN/100ml	<3	TCVN 6187-2:1996 ^(*)	0

KẾT LUẬN: Các chỉ tiêu đã kiểm nghiệm của mẫu nước trên đạt tiêu chuẩn vệ sinh về chất lượng nước ăn uống theo QCVN 01:2009/BYT

P.TRƯỞNG KHOA

Dương Viết Quảng

Đồng Hới, ngày 14 tháng 8 năm 2019

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Lê Minh Tiến



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số: 337/KQXNN

(Không được trích, sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Giám đốc Trung tâm)

Tên khách hàng: Công ty cổ phần cấp nước Quảng Bình
Địa chỉ: 81 Lý Thường Kiệt – Đồng Hới – Quảng Bình.
Tên mẫu: Nước máy Mã số : 337/XNN/2019 Số lượng: 1.5 lít
Địa điểm lấy mẫu: Nhà máy nước Hải Thành – Đồng Hới – Quảng Bình.
Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong chai nhựa, đậy kín miệng. Mẫu do khách hàng mang tới.
Ngày nhận mẫu: 19/7/2019 Ngày hẹn trả kết quả: 02/8/2019
Thời gian lưu mẫu: 10 ngày kể từ ngày ban hành kết quả, hết thời gian lưu mẫu Trung tâm sẽ không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm của khách hàng.

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

TT	Chỉ tiêu/đơn vị	Kết quả	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép ⁽¹⁾
1	Mùi, vị	Không	Cảm quan	Không mùi vị lạ
2	pH	7,11	SOP.HL 13/12	6,5 – 8,5
3	Độ đục, NTU	0,61	SOP.HL 02/12 ^(*)	2
4	Hàm lượng Nitrit, mg/l	KPH (LOD 0,03 mg/l)	SMEWW 4500-NO ₂ 2017 ^(*)	3
5	Hàm lượng Nitrat, mg/l	KPH (LOD 0,5 mg/l)	TCVN 6180:1996 ^(*)	50
6	Chỉ số Pecmanganat, mgO ₂ /l	0,96	TCVN 6186:1996	2,0
7	Coliforms, MPN/100ml	<3	TCVN 6187-2:1996 ^(*)	0
8	E.coli, MPN/100ml	<3	TCVN 6187-2:1996 ^(*)	0

Ghi chú:

- (1) Giới hạn cho phép theo QCVN 01:2009/BYT.
- KPH: Không phát hiện.
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu được kiểm nghiệm.
- (*) Phép thử đã được VILAS công nhận.
- Theo phương pháp thử kết quả được biểu thị < 3MPN/100ml khi không có vi khuẩn mọc trên ống thử.

Kết luận: Các chỉ tiêu đã kiểm nghiệm của mẫu nước trên đạt tiêu chuẩn vệ sinh về chất lượng nước ăn uống theo QCVN 01:2009/BYT.

P. TRƯỞNG KHOA

Dương Viết Quảng

Đồng Hới, ngày 02 tháng 8 năm 2019

KT. GIÁM ĐỐC



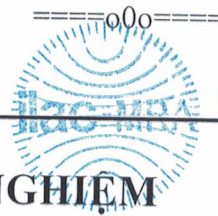
Lê Minh Tiến

SỞ Y TẾ QUẢNG BÌNH
TRUNG TÂM Y TẾ DỰ PHÒNG
KHOA XÉT NGHIỆM

Địa chỉ: 164 Bà Triệu-Đồng Phú-Đồng Hới-Quảng Bình
Điện thoại: 0523.822557 Fax: 0523845492

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số: 318/KQXNN

(Không được trích, sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Giám đốc Trung tâm)

Tên khách hàng: Công ty cổ phần cấp nước Quảng Bình
Địa chỉ: 81 Lý Thường Kiệt – Đồng Hới – Quảng Bình.
Tên mẫu: Nước máy Mã số : 318/XNN/2019 Số lượng: 1.5 lít
Địa điểm lấy mẫu: Nhà máy nước Hải Thành – Đồng Hới – Quảng Bình.
Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong chai nhựa, đậy kín miệng. Mẫu do khách hàng mang tới.
Ngày nhận mẫu: 12/7/2019 Ngày hẹn trả kết quả: 26/7/2019
Thời gian lưu mẫu: 10 ngày kể từ ngày ban hành kết quả, hết thời gian lưu mẫu Trung tâm sẽ không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm của khách hàng.

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

TT	Chỉ tiêu/đơn vị	Kết quả	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép ⁽¹⁾
1	Mùi, vị	Không	Cảm quan	Không mùi vị lạ
2	pH	6,98	SOP. HL 13/12	6,5 – 8,5
3	Độ đục, NTU	0,66	SOP.HL 02/12 ^(*)	2
4	Hàm lượng Nitrit, mg/l	KPH (LOD 0,03 mg/l)	SMEWW 4500-NO ₂ 2017 ^(*)	3
5	Hàm lượng Nitrat, mg/l	0,69	TCVN 6180:1996 ^(*)	50
6	Chỉ số Pecmanganat, mgO ₂ /l	1,12	TCVN 6186:1996	2,0
7	Coliforms, MPN/100ml	<3	TCVN 6187-2:1996 ^(*)	0
8	E.coli, MPN/100ml	<3	TCVN 6187-2:1996 ^(*)	0

Ghi chú:

- (1) Giới hạn cho phép theo QCVN 01:2009/BYT.
- KPH: Không phát hiện.
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu được kiểm nghiệm.
- (*) Phép thử đã được VILAS công nhận.
- Theo phương pháp thử kết quả được biểu thị < 3MPN/100ml khi không có vi khuẩn mọc trên ống thử.

Kết luận: Các chỉ tiêu đã kiểm nghiệm của mẫu nước trên đạt tiêu chuẩn vệ sinh về chất lượng nước ăn uống theo QCVN 01:2009/BYT.

P. TRƯỞNG KHOA

Dương Viết Quảng

Đồng Hới, ngày 26 tháng 7 năm 2019

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Lê Minh Tiến



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số: 301/KQXNN

VILAS 685

(Không được trích, sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Giám đốc Trung tâm)

Tên khách hàng: Công ty cổ phần cấp nước Quảng Bình
Địa chỉ: 81 Lý Thường Kiệt – Đồng Hới – Quảng Bình.
Tên mẫu: Nước máy Mã số : 301/XNN/2019 Số lượng: 1.5 lít
Địa điểm lấy mẫu: Nhà máy nước Hải Thành – Đồng Hới – Quảng Bình.
Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong chai nhựa, đậy kín miệng. Mẫu do khách hàng mang tới.
Ngày nhận mẫu: 05/7/2019 Ngày hẹn trả kết quả: 19/7/2019

Thời gian lưu mẫu: 10 ngày kể từ ngày ban hành kết quả, hết thời gian lưu mẫu Trung tâm sẽ không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm của khách hàng.

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

TT	Chỉ tiêu/đơn vị	Kết quả	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép ⁽¹⁾
1	Mùi, vị	Không	Cảm quan	Không mùi vị lạ
2	pH	7,14	Máy đo pH	6,5 – 8,5
3	Độ đục, NTU	0,36	SOP.HL 02/12 ^(*)	2
4	Hàm lượng Nitrit, mg/l	KPH (LOD 0,03 mg/l)	SMEWW 4500-NO ₂ 2017 ^(*)	3
5	Hàm lượng Nitrat, mg/l	KPH (LOD 0,5 mg/l)	TCVN 6180:1996 ^(*)	50
6	Chỉ số Pecmanganat, mgO ₂ /l	0,8	TCVN 6186:1996	2,0
7	Coliforms, MPN/100ml	<3	TCVN 6187-2:1996 ^(*)	0
8	E.coli, MPN/100ml	<3	TCVN 6187-2:1996 ^(*)	0

Ghi chú:

- (1) Giới hạn cho phép theo QCVN 01:2009/BYT.
- KPH: Không phát hiện.
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu được kiểm nghiệm.
- (*) Phép thử đã được VILAS công nhận.
- Theo phương pháp thử kết quả được biểu thị < 3MPN/100ml khi không có vi khuẩn mọc trên ống thử.

Kết luận: Các chỉ tiêu đã kiểm nghiệm của mẫu nước trên đạt tiêu chuẩn vệ sinh về chất lượng nước ăn uống theo QCVN 01:2009/BYT.

P. TRƯỞNG KHOA

Dương Viết Quảng

Đồng Hới, ngày 19 tháng 7 năm 2019



Lê Minh Tiến

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số: 284/KQXNN

(Không được trích, sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Giám đốc Trung tâm)

Tên khách hàng: Công ty cổ phần cấp nước Quảng Bình

Địa chỉ: 81 Lý Thường Kiệt – Đồng Hới – Quảng Bình.

Tên mẫu: Nước máy Mã số : 284/XNN/2019 Số lượng: 1.5 lít

Địa điểm lấy mẫu: Nhà máy nước Hải Thành – Đồng Hới – Quảng Bình.

Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong chai nhựa, đậy kín miệng. Mẫu do khách hàng mang tới.

Ngày nhận mẫu: 28/6/2019 Ngày hẹn trả kết quả: 09/7/2019

Thời gian lưu mẫu: 10 ngày kể từ ngày ban hành kết quả, hết thời gian lưu mẫu Trung tâm sẽ không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm của khách hàng.

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

TT	Chỉ tiêu/đơn vị	Kết quả	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép ⁽¹⁾
1	Mùi, vị	Không	Cảm quan	Không mùi vị lạ
2	pH	7,35	SOP.HL 13/12	6,5 – 8,5
3	Độ đục, NTU	0,90	SOP.HL 02/12 ^(*)	2
4	Hàm lượng Nitrit, mg/l	KPH (LOD 0,03 mg/l)	SMEWW 4500-NO ₂ 2017 ^(*)	3
5	Hàm lượng Nitrat, mg/l	KPH (LOD 0,5 mg/l)	TCVN 6180:1996 ^(*)	50
6	Chỉ số Pecmanganat, mgO ₂ /l	1,12	TCVN 6186:1996	2,0
7	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ /l	35	TCVN 6224:1996 ^(*)	300
8	Hàm lượng Clorua, mg/l	14,91	TCVN 6194:1996 ^(*)	250
9	Hàm lượng Sunfat, mg/l	11,70	SMEWW 4500-SO ₄ 2017 ^(*)	250
10	Tổng chất rắn hòa tan, mg/l	57	Máy đo TDS	1000
11	Hàm lượng Amoni, mg/l	KPH	SMEWW 4500-NH ₃ (2017)	3
12	Hàm lượng Chì, mg/l	KPH (LOD 0,25 µg/l)	TCVN 6193:1996	0,01
13	Hàm lượng Asen, mg/l	KPH (LOD 1,5 µg/l)	TCVN 6626:200	0,01
14	Phenol và dẫn xuất của phenol	KPH (LOD 0,6 µg/l)	CASE. MT.0033	-
15	Coliforms, MPN/100ml	<3	TCVN 6187-2:1996 ^(*)	0
16	E.coli, MPN/100ml	<3	TCVN 6187-2:1996 ^(*)	0

Ghi chú:

- (1) Giới hạn cho phép theo QCVN 01:2009/BYT.
- KPH: Không phát hiện.
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu được kiểm nghiệm.
- (*) Phép thử đã được VILAS công nhận.
- Theo phương pháp thử kết quả được biểu thị < 3MPN/100ml khi không có vi khuẩn mọc trên ống thử.

Kết luận: Các chỉ tiêu đã kiểm nghiệm của mẫu nước trên đạt tiêu chuẩn vệ sinh về chất lượng nước ăn uống theo QCVN 01:2009/BYT.

P. TRƯỞNG KHOA

Quang

Dương Viết Quảng

Đồng Hới, ngày 09 tháng 7 năm 2019

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lê Minh Tiên
Lê Minh Tiên

Chỉ tiêu	Đơn vị	Giá trị
Không mùi vị		0,2 - 0,5
		0,2
		0,5
		1,0
		1,5
		2,0
		2,5
		3,0
		3,5
		4,0
		4,5
		5,0
		5,5
		6,0
		6,5
		7,0
		7,5
		8,0
		8,5
		9,0
		9,5
		10,0
		10,5
		11,0
		11,5
		12,0
		12,5
		13,0
		13,5
		14,0
		14,5
		15,0
		15,5
		16,0
		16,5
		17,0
		17,5
		18,0
		18,5
		19,0
		19,5
		20,0
		20,5
		21,0
		21,5
		22,0
		22,5
		23,0
		23,5
		24,0
		24,5
		25,0
		25,5
		26,0
		26,5
		27,0
		27,5
		28,0
		28,5
		29,0
		29,5
		30,0
		30,5
		31,0
		31,5
		32,0
		32,5
		33,0
		33,5
		34,0
		34,5
		35,0
		35,5
		36,0
		36,5
		37,0
		37,5
		38,0
		38,5
		39,0
		39,5
		40,0
		40,5
		41,0
		41,5
		42,0
		42,5
		43,0
		43,5
		44,0
		44,5
		45,0
		45,5
		46,0
		46,5
		47,0
		47,5
		48,0
		48,5
		49,0
		49,5
		50,0
		50,5
		51,0
		51,5
		52,0
		52,5
		53,0
		53,5
		54,0
		54,5
		55,0
		55,5
		56,0
		56,5
		57,0
		57,5
		58,0
		58,5
		59,0
		59,5
		60,0
		60,5
		61,0
		61,5
		62,0
		62,5
		63,0
		63,5
		64,0
		64,5
		65,0
		65,5
		66,0
		66,5
		67,0
		67,5
		68,0
		68,5
		69,0
		69,5
		70,0
		70,5
		71,0
		71,5
		72,0
		72,5
		73,0
		73,5
		74,0
		74,5
		75,0
		75,5
		76,0
		76,5
		77,0
		77,5
		78,0
		78,5
		79,0
		79,5
		80,0
		80,5
		81,0
		81,5
		82,0
		82,5
		83,0
		83,5
		84,0
		84,5
		85,0
		85,5
		86,0
		86,5
		87,0
		87,5
		88,0
		88,5
		89,0
		89,5
		90,0
		90,5
		91,0
		91,5
		92,0
		92,5
		93,0
		93,5
		94,0
		94,5
		95,0
		95,5
		96,0
		96,5
		97,0
		97,5
		98,0
		98,5
		99,0
		99,5
		100,0